

Bản án số: 06/2020/HS-ST

Ngày: 17/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vàng Xuân Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở;

Ông Ngô Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST - HS ngày 22 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST – HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: **Võ Quyết T1** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/7/1983, tại PT, Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 2, phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Mạnh T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị L (đã chết); Có vợ là Lê Thị Thu H, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đinh Văn L1** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1992, tại thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản S, xã ST, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đinh Văn N, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Có vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1998 và 01 con mới sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã ST, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đông Thanh T2** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1993, tại huyện TU, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 2, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đồng Văn T, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Duy T3** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1988, tại PX, Hà Nội; Nơi ĐKHKTT: Tổ 9, xã NT, huyện PX, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Duy T, sinh năm 1958 và con bà Đỗ Thị Q (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 26/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Vũ Ngọc H1** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1986, tại thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản TT, xã ST, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giám đốc; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vũ Văn T, sinh năm 1958 và con bà Đỗ Thị O, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã ST, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Lương Văn T4** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1994, tại TU, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản NK, xã PK, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lương Văn T (đã chết) và con bà Kim Thị T, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã PK, huyện TU, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Chu Văn Đ1** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1971, tại TB, Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 2, phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Quản lý tại thủy điện Pắc Ma; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Chu Văn T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1932; có vợ là Nguyễn Thị Hoài M, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Trọng A** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1978, tại CL, Hà Tĩnh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản TLT, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Trọng K (đã chết) và con bà Hoàng Thị H (đã chết); có vợ là Đỗ Thị T, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Minh T5** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1990, tại TL, Hải Phòng; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn GK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; có vợ là Vũ Thị M, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 26/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Phạm Xuân T6** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1990, tại TU, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 6, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Phạm Xuân H, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; có vợ là Đặng Thị H, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Khu 6, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ2** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1992, tại VC, Yên Bái; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản TLT, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1962 và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: **Hoàng Minh T7** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1985, tại PT, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: thôn TN, xã MS, huyện PT, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Thanh L (đã chết) và con bà Tô Thị V, sinh năm 1964; có vợ là Vàng Thị T, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã MS, huyện PT, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: **Võ Mạnh L2** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1985, tại thành phố LC, tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 2, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Mạnh L, sinh năm 1954 và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; có vợ là Trương Thị Hồng A, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Vũ Văn S** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1987, tại QP, Thái Bình; Nơi ĐKHKTT: Thôn HH, xã QN, huyện QP, tỉnh Thái Bình và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 1, phường QT, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Vũ Văn D, sinh năm 1960 và con bà Vũ Thị M, sinh năm 1960; có vợ là Đoàn Thị L, sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 26/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Chang Páo H2** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1966, tại TĐ, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản TL, phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông Chang A D, sinh năm 1926 và con bà Sùng Thị L (đã chết); có vợ là Sùng Thị L1, sinh năm 1973 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 17/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

- Anh Trương Chính T8, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thị trấn KH, huyện KB, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (*vắng mặt*).

- Anh Đỗ Anh T9, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn GP, xã GP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên (*vắng mặt*).

- Anh Vũ Trọng H3, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Khu 2, phường CT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh (*vắng mặt*).

- Anh Nguyễn Quý L3, sinh năm 1995; Nơi cư trú: khu bv, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu (*vắng mặt*).

- Anh Đinh Văn L4, sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản DP, xã ST, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: bản TSC, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (*vắng mặt*).

- Anh Lê Văn N1 , sinh năm 1993; Nơi cư trú: Bản PK, xã PK, huyện TU, tỉnh Lai Châu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc T10 , sinh năm 1974; Nơi cư trú: tổ 14, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Anh Thào Văn N2 , sinh năm 1991; Nơi cư trú: bản TSC1, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/9/2019, biết được tin anh Nguyễn Minh Đ3, sinh năm 1989, trú tại tổ 24, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu về quê tại tỉnh Nghệ An nên Võ Quyết T1 bảo Phạm Thế T11 (là nhân viên của T1) đến mượn chìa khóa nhà anh Đ3. Đến khoảng 14 giờ ngày 08/9/2019, Võ Quyết T1 cùng với Hoàng Minh T7, Phạm Thế T11, Đỗ Anh T9 , sinh năm 1981, trú tại thôn GP, xã GP, huyện YM, tỉnh Hưng Yên và Vũ Trọng H3 , sinh năm 1986, trú tại khu 2, phường CT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đón taxi từ khách sạn Hồng Ngọc về nhà anh Đ3 để đánh bạc. Vì Võ Quyết T1 đã liên lạc qua điện thoại rủ Vũ Ngọc H1, Chang Páo H2, Đinh Văn L1, Võ Mạnh L2, Phạm Duy T3 tham gia đánh bạc nên khi T1 đến nơi thì H1 đã có mặt, T11 mở khóa cổng và khóa cửa nhà để cả nhóm vào trong. Sau đó một lúc có các nhóm người đến tham gia đánh bạc và ngồi xem, gồm có: nhóm Võ Mạnh L2, Phạm Xuân T6 , Lương Văn T4, Đồng Thanh T2 và Nguyễn Quý L3 , sinh năm 1995, trú tại Khu bệnh viện, thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu; nhóm Đinh Văn L1, Nguyễn Văn Đ2, Đinh Văn L4 , sinh năm 1989, trú tại bản DP, xã ST, Nguyễn Văn D, sinh năm 1995, trú tại bản TSC, phường ĐP (cùng thuộc thành phố LC) và Lê Văn N1 , sinh năm 1993, trú tại bản PK, xã PK, huyện TU đến; nhóm Phạm Duy T3, Nguyễn Minh T5 và Nguyễn Ngọc T10, sinh năm 1974, trú tại thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Chu Văn Đ1 thông qua Đinh Văn L1, Vũ Văn S thông qua Hoàng Minh T7, Nguyễn Trọng A thông qua Vũ Văn S biết việc tổ chức đánh bạc nên đến tham gia cùng, Thào Văn N2 sinh năm 1991, trú tại bản TSC, phường ĐP, thành phố LC thông qua Đinh Văn L1 biết việc tổ chức đánh bạc nên đến để xem.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Võ Mạnh L2 lấy kéo cắt 04 quân vị hình tròn từ lá bài tú lơ khơ có 01 mặt màu trắng và 01 mặt màu đen. Linh cắt quân vị xong thì Võ Quyết T1 bảo Phạm Thế T11 đi khóa cửa và ai chơi thì ngồi xuống chơi. T1 ngồi xuống giữa nhà, các bị cáo khác ngồi thành hai hàng dọc kéo dài hai bên phải và trái để thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức sóc đĩa, được thua bằng tiền, với quy ước: bên phải Võ Quyết T1 là cửa chắn còn bên trái là cửa lẻ, mức đánh thấp nhất là 100.000 đồng/01 lần chơi và tỷ lệ ăn thua là 1/1. Hình thức đánh: Võ Quyết T1 là người cầm cái, lấy 04 quân vị L2 vừa cắt cho vào bát sứ, úp đĩa lên miệng bát rồi lắc mạnh sau đó đặt bát xuống để người chơi đặt tiền vào cửa chắn hoặc cửa lẻ. Sau khi người chơi đặt tiền xong thì Võ Quyết T1 mở bát, nếu có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu (trắng hoặc đen) thì người chơi đặt tiền ở cửa lẻ thắng, nếu có 02 hoặc 04 quân vị

cùng màu (trắng hoặc đen) thì người chơi đặt tiền ở cửa chẵn thắng và Võ Quyết T1 phải trả cho người chơi số tiền tương ứng với số tiền người chơi đã bỏ ra. Khi tham gia đánh bạc, Võ Quyết T1 bỏ ra 5.000.000 đồng, Chu Văn Đ1 bỏ ra 3.000.000 đồng, Đồng Thanh T2 bỏ ra 4.000.000 đồng, Hoàng Minh T7 bỏ ra 1.900.000 đồng, Lương Văn T4 bỏ ra 3.000.000 đồng, Nguyễn Minh T5 bỏ ra 2.000.000 đồng, Vũ Văn S bỏ ra 1.400.000 đồng, Nguyễn Trọng A bỏ ra 2.500.000 đồng, Phạm Duy T3 bỏ ra 4.000.000 đồng, Phạm Xuân T6 bỏ ra 2.000.000 đồng, Vũ Ngọc H1 bỏ ra 4.000.000 đồng, Võ Mạnh L2 bỏ ra 1.500.000 đồng và Nguyễn Văn Đ2 bỏ ra 2.000.000 đồng để đánh bạc. Còn Phạm Thế T11, Đỗ Anh T9, Vũ Trọng H3, Đinh Văn L4, Nguyễn Văn D, Lê Văn N1, Nguyễn Quý L3, Nguyễn Ngọc T10 và Thảo Văn N2 không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem. Sau khi đánh bạc được khoảng 05 đến 10 phút Võ Quyết T1 chỉ đạo Phạm Thế T11 thu tiền Phế 500.000 đồng/01 người chơi, tổng được 6.000.000 đồng rồi T11 đưa lại cho T1 để sử dụng vào việc đánh bạc.

Còn Đinh Văn L1 bỏ ra số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc trái phép với các bị cáo khác dưới hình thức làm vị, với quy ước: L1 lấy 05 lá bài tú lơ khơ để trước chỗ mình ngồi, gồm các lá bài “hai cơ”, “ba cơ”, “ba tép”, “bốn cơ”, “bốn tép”, để những người chơi khác tham gia đánh vị cùng với L1 bằng cách đặt tiền vào các lá bài L1 để sẵn, sau khi Võ Quyết T1 mở bát đựng 04 quân vị ra nếu cả 04 quân vị cùng màu đen thì người chơi đặt tiền vào lá bài “bốn tép” thắng, nếu 04 quân vị cùng màu trắng thì người chơi đặt tiền vào lá bài “bốn cơ” thắng và L1 phải trả cho người chơi gấp 09 lần số tiền người chơi đặt; nếu có 03 quân vị cùng màu trắng thì người chơi đặt tiền vào lá bài “ba cơ” thắng, nếu 03 quân vị cùng màu đen thì người chơi đặt tiền vào lá bài “ba tép” thắng và L1 phải trả cho người chơi gấp 2,5 lần số tiền chơi; nếu có 02 quân vị cùng màu đen hoặc màu trắng thì người chơi đặt tiền vào lá bài “hai cơ” thắng và L1 phải trả cho người chơi gấp 1,5 lần số tiền chơi.

Trong lúc các bị cáo đang đánh bạc trái phép thì Chang Páo H2 cùng với Trương Chính T8, sinh năm 1970, trú tại thị trấn KH, huyện KB, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đi taxi đến và được Phạm Thế T11 ra mở cửa để cả hai đi vào trong nhà. Thấy các bị cáo đang tham gia đánh bạc trái phép nên Chang Páo H2 bỏ ra 500.000 đồng ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng, còn Trương Chính T8 vào giường nằm ngủ.

Đến 17 giờ cùng ngày, trong lúc các bị cáo đang đánh bạc trái phép, được thu bằng tiền dưới hình thức sóc đĩa và làm vị thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lai Châu phát hiện. Lúc này Võ Quyết T1 đem số tiền 13.500.000 đồng đang đánh bạc giấu vào khu vực phòng ngủ của anh Nguyễn Minh Đ3, Phạm Xuân T6 vợ lấy số tiền 9.800.000 đồng trên chiếu bạc giấu vào trong bao tải ở sau bếp nhà anh Nguyễn Minh Đ3. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản sự việc và khám xét nơi ở khẩn cấp thu giữ toàn bộ số tiền nêu trên và thu giữ thêm số tiền 14.900.000 đồng là tiền đánh bạc do các bị cáo giao nộp.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSLC-P2, ngày 22/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố: bị cáo Võ Quyết T1 về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4,

Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H1, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời phân tích, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm, vai trò trách nhiệm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của mỗi bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Võ Quyết T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”; Các bị cáo Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H1, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Võ Quyết T1 từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Võ Quyết T1 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt là phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt các bị cáo: Đinh Văn L1, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Vũ Ngọc H1 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt các bị cáo: Chu Văn Đ1, Hoàng Minh T7, Nguyễn Văn Đ2, Đồng Thanh T2, Võ Mạnh L2, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc 38.200.000 đồng; tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 11 chiếc điện thoại có liên quan đến hành vi đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ (đã qua sử dụng), 02 quân vị, 05 bộ tú lơ khơ, 04 tờ giấy kẻ ô ly, 01 tờ lịch là những vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng; tuyên trả lại cho hai bị cáo Đồng Thanh T2 và Phạm Xuân T6 hai chiếc điện thoại bị thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo không bổ sung ý kiến, không tranh luận, đồng thuận với quan điểm của kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đã biết lỗi, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo hứa bản thân sẽ không tiếp tục tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 30 phút ngày 08/9/2019, tại số nhà 182, thuộc tổ 24, phường ĐP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu, Võ Quyết T1 đã có hành vi tổ chức và sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để T1 cùng với 14 bị cáo khác gồm: Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 thực hiện hành vi đánh bạc trai phép dưới hình thức sóc đĩa và làm vị, được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 38.200.000 đồng, Võ Quyết T1 thu lợi 6.000.000 đồng là tiền “phế” từ việc tổ chức đánh bạc. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay là cần thiết, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Võ Quyết T1 thực hiện tội phạm tổ chức đánh bạc với vai trò là người khởi xướng, tổ chức việc đánh bạc và cùng với các bị cáo khác tham gia đánh bạc. Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ

ràng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51/BLHS đối với tội đánh bạc.

Đối với các bị cáo Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H1, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 đều là đồng phạm giản đơn, giữ vai trò như nhau trong vụ án, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân và số tiền của mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc để quyết định mức hình phạt tương xứng. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với các bị cáo Chu Văn Đ1, Hoàng Minh T7, Nguyễn Văn Đ2, Đồng Thanh T2, Võ Mạnh L2, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Nguyễn Minh T5 đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, HĐXX xem xét áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51/BLHS cho các bị cáo.

Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự để phạt tiền được áp dụng làm hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 13.500.000 đồng Võ Quyết T1 giấu vào khu vực phòng ngủ; số tiền 9.800.000 đồng Phạm Xuân T6 giấu vào trong bao tải ở sau bếp và 14.900.000 đồng là tiền đánh bạc do các bị cáo giao nộp. Xác định toàn bộ số tiền trên đều liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước;

Đối với các vật chứng là điện thoại mà Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đều khai nhận đó là những phương tiện mà các bị cáo đã sử dụng, liên lạc với nhau để thực hiện tội phạm đánh bạc nên cần tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 358340054644925; IMEI 2: 358340054644933, điện thoại có 01 sim Vinaphone số thuê bao 0747473817, trên sim có các dãy số: 89840 2000 8700 8945 08, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Chang Páo H2;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen, số IMEI : 356721083363011, điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 0989689258, trên sim có các số: 898408008822357811 điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Võ Mạnh L2;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S9, màu đen, số IMEI 1: 357988097499060; IMEI 2: 357989097499068, điện thoại có 02 sim Viettel, một sim số 963162261, trên sim có các dãy số: 8984048008810669611, 01 sim số 0973265265, trên sim có các số: 898404800005727629, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Phạm Duy T3;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu IPHONE 5, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Trọng A;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng hồng, số IMEI : 353809081036334, điện thoại có 01 sim Viettel số 0982952668, trên sim có các số:8984048008822357811, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Đinh Văn L1;

- 01 (một) điện thoại NOKIA 222, màu đen, số IMEI 1: 353709079706700; số IMEI 2: 353709079706718, điện thoại có 01 sim Vinaphone số thuê bao 0914021521, trên sim có các dãy số: 89840 20001 00727 29837; 01 sim Viettel số thuê bao 0346903112, trên sim có các dãy số:89840 48831 00678 5634, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Chu Văn Đ1;

- 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy J7 prime màu đen, số kiểu máy SM-G610F/DS, số seri: R58J35XWD0M, số IMEI 1: 357625084916611; IMEI 2: 357651084916615, điện thoại có 02 sim Vinaphone, số thuê bao 0886806586, trên sim có các số: 89840 20001 05633 18625, số thuê bao 0338443688, trên sim có các số: 89840 20002 15570 17230, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Vũ Văn S;

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG Galaxy S8, màu đen, số IMEI 1: 359116086577690; IMEI 2: 359117086577698, điện thoại có 01 sim Viettel số 0982, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Võ Quyết T1;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 1: 35380084291003 trong điện thoại có 01 sim Viettel là số 0976838668, trên sim có các số 8984 0488 3100 4237 692, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Vũ Ngọc H1 ;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA 8800, màu vàng, số seri: 358645014975551, máy cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn Minh T5;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, số IMEI: 357214098080779. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ của Lương Văn T4 ;

Còn 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Đồng Thanh T2 và Phạm Xuân T6 xét thấy đây là hai chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được trả lại cho hai bị cáo đó là:

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI1: 355085100439035, số IMEI2: 355086100439033, thu giữ của Phạm Xuân T6 ;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xmax, số IMEI: 357286098013646. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ của Đồng Thanh T2;

Ngoài ra trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn thu giữ một chiếc bát sứ, một chiếc đĩa sứ (đã qua sử dụng), 02 quân vị, 05 bộ tú lơ khơ, 04 tờ giấy kẻ ô ly, 01 tờ lịch. Xác định, là những vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu, tiêu hủy.

[5]. Về những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

- Đối với Phạm Thế T11 là người giữ vai trò giúp sức cùng với bị can Võ Quyết T1 thực hiện tội phạm “Tổ chức đánh bạc”, nhưng hiện tại Phạm Thế T11 đã bỏ trốn khỏi địa phương, không ai biết ở đâu nên Cơ quan điều tra đã quyết định truy nã bị can nhưng chưa bắt được. Nhằm đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án, ngày 13/01/2020 Cơ quan điều tra quyết định tách vụ án đối với hành vi của Phạm Thế T11 khi nào bắt được bị can thì tiếp tục xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Nguyễn Minh Đ3, quá trình điều tra xác định việc Võ Quyết T1 và Phạm Thế T11 tổ chức để các bị cáo đánh bạc trái phép tại nơi ở của mình nhưng anh Đắc hoàn toàn không biết nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với Đỗ Anh T9, Vũ Trọng H3, Đinh Văn L4, Nguyễn Văn D, Lê Văn N1, Nguyễn Quý L3, Nguyễn Ngọc T10, Trương Chính T8 và Thảo Văn N2 biết rõ các bị cáo đang thực hiện tội phạm nhưng không tố giác. Tuy nhiên hành vi không thuộc trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 của Bộ luật hình sự nên không đề cập, xử lý là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Quyết T1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H1, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Quyết T1 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”; áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Quyết T1 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo phải chịu là 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Ngọc H1 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T4 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng A 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn S 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn L1 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chang Páo H2 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T5 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đồng Thanh T2 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Duy T3 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chu Văn Đ1 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân T6 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Minh T7 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Mạnh L2 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, sung quỹ Nhà nước tổng số tiền 38.200.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*);

Tuyên tịch thu, hóa giá sung công quỹ nhà nước 11 chiếc điện thoại di động gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 358340054644925; IMEI 2: 358340054644933, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen, số IMEI : 356721083363011, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S9, màu đen, số IMEI 1: 357988097499060; IMEI 2: 357989097499068, điện thoại cũ đã qua sử

dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu IPHONE 5 màu trắng, vỡ màn hình, máy cũ đã qua sử dụng (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu hồng, số IMEI : 353809081036334, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại NOKIA 222, màu đen, số IMEI 1: 353709079706700; số IMEI 2: 353709079706718, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy J7 prime màu đen, số kiểu máy SM-G610F/DS, số seri: R58J35XWD0M, số IMEI 1: 357625084916611; IMEI 2: 357651084916615, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG Galaxy S8 màu đen, số IMEI 1: 359116086577690; IMEI 2: 359117086577698, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, số IMEI 1: 35380084291003, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA 8800 màu vàng, số seri: 358645014975551, máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, số IMEI: 357214098080779. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI);

Tuyên tịch thu, tiêu hủy: một chiếc bát sứ, một chiếc đĩa sứ đã qua sử dụng, 02 quân vị, 05 bộ tú lơ khơ, 04 tờ giấy kẻ ô ly, 01 tờ lịch;

Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Xuân T6 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, số IMEI1: 355085100439035, số IMEI2: 355086100439033, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI); trả lại cho bị cáo Đồng Thanh T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xmax, số IMEI: 357286098013646, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (Máy không lên nguồn không kiểm tra được số IMEI)

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, hồi 09 giờ 30 ngày 04 tháng 03 năm 2020 giữa Công an tỉnh Lai Châu với Cục THADS tỉnh Lai Châu).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Võ Quyết T1, Chu Văn Đ1, Đinh Văn L1, Đồng Thanh T2, Hoàng Minh T7, Lương Văn T4, Nguyễn Minh T5, Chang Páo H2, Vũ Văn S, Nguyễn Trọng A, Phạm Duy T3, Phạm Xuân T6, Vũ Ngọc H1, Võ Mạnh L2, Nguyễn Văn Đ2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- PC02; PC10; PV06 CA tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng Xuân Hiệp